|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HÀ NAM | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ LAO ĐỘNG - TB VÀ XH** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-SLĐTBXH | *Hà Nam, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động của chính sách quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020,

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo đánh giá tác động của chính sách quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh, như sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách để thúc đẩy công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, đồng thời huy động nhiều nguồn lực chăm lo cho các đối tượng yếu thế trong xã hội, nhất là trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo… góp phần ổn định xã hội, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tỉnh Hà Nam đã triển khai, ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh[[1]](#footnote-1). Qua đó đảm bảo thu nhập, duy trì mức sống tối thiểu, tạo điều kiện cho đối tượng bảo trợ xã hội tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, từng bước đáp ứng được nhu cầu của người dân. Thực hiện, Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức trợ cấp, mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với đối tượng nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, Trung tâm điều trị nghiện ma tuý và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND), các đối tượng ở hai trung tâm đều được hưởng mức trợ cấp nuôi dưỡng cao hơn mức quy định của Chính phủ và hưởng một số mức hỗ trợ theo chính sách riêng của tỉnh.

Tuy nhiên, tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết quy định mức đóng góp tiền ăn hàng tháng đối với đối tượng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học bị tàn tật năng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; một số mức trợ cấp không phù hợp với Thông tư số 76/2021/TT-BTC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn khoản 1 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 20/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Thông tư số 76/2021/TT-BTC). Ngày 01 tháng 7 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 76/2024/NĐ-CP), trong đó đã nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội lên mức 500.000 đồng. Do đó Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND không còn phù hợp, cần được thay thế.

Bên cạnh đó, các cơ sở trợ giúp xã hội trong quá trình quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội đã phát sinh một số nội dung chi ngoài mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các nội dung theo Thông tư số 76/2021/TT-BTC, cần tiếp tục được hỗ trợ như đã quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, như hỗ trợ thêm cho các đối tượng ăn ngày lễ, ngày tết dương lịch, các ngày tết Nguyên đán và đối tượng bị ốm nằm viện; hỗ trợ thêm cho người nhiễm HIV, hỗ trợ cho các cháu đang đi học cao đẳng, đại học tỉnh ngoài, hỗ trợ cho đối tượng bảo vệ khẩn cấp sau khi phân loại về nơi cư trú, hỗ trợ mua sắm công cụ, dụng cụ, vật lý trị liệu, lao động phục hồi, thể dục thể thao, hỗ trợ kinh phí thông tin, quảng cáo tìm gia đình người thân của đối tượng bảo vệ khẩn cấp. Vì vậy, việc quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập cần tiếp tục được thực hiện.

Ngày 15/3/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2021 (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). So với Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP có bổ sung đối tượng thụ hưởng và điều chỉnh hệ số làm căn cứ tính mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng, cụ thể như sau:

- Bổ sung 03 nhóm đối tượng gồm: người đơn thân nuôi con duới 16 tuổi thuộc hộ cận nghèo (khoản 4 Điều 5); người cao tuổi từ đủ 75 đến 80 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn (điểm b khoản 5 Điều 5) và trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sống tại địa bàn xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn (khoản 7 Điều 5).

- Điều chỉnh mức trợ cấp xã hội đối với người đơn thân nuôi con dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên cơ sở xác định mức trợ cấp tương ứng với số con đang nuôi dưỡng (hệ số 1,0/con) thay vì định khung ở 02 mức theo hệ số là: hệ số 1,0 đối với người đang nuôi 01 con và hệ số 2,0 đối với người đang nuôi 02 con trở lên.

- Điều chỉnh mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (điểm d khoản 2 Điều 20) trên cơ sở xác định mức hỗ trợ tương ứng với số lượng và độ tuổi của người khuyết tật đặc biệt nặng được nhận chăm sóc (hệ số 1,5/người và hệ số 2,5/trẻ em) thay vì định khung ở 02 mức tính theo hệ số và không phân biệt độ tuổi là: hệ số 1,5 đối với hộ gia đình, cá nhân nhận nuôi 01 người và hệ số 3,0 đối với hộ gia đình, cá nhân nhận nuôi từ 02 người trở lên.

Như vậy, phạm vi đối tượng được thụ hưởng chính sách đã được mở rộng nhưng vẫn chưa bao trùm hết tất cả các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đối tượng người cao tuổi thuộc hộ nghèo, trẻ em thuộc hộ nghèo, trẻ em bị hạn chế nguồn nuôi dưỡng chưa được hưởng trợ giúp xã hội hàng tháng, dẫn đến cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, việc xác định đối tượng khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là cần thiết.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh trên cơ sở xem xét, đối chiếu theo quy định tại Nghị định số [20/2021/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/tim-kiem/?keyword=23/2016/N%C4%90-CP&match=True&area=2&lan=1&bday=05/4/2016&eday=05/4/2016) nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, phù hợp với văn bản cấp trên và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Việc quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh nhằm hướng tới mục tiêu là nâng cao phúc lợi cho các đối tượng bảo trợ xã hội, tăng cường các khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho các đối tượng yếu thế, **hướng tới mục tiêu không để ai bị bỏ lại phía sau, đồng thời t**iếp tục thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, chính quyền tỉnh Hà Nam đối với các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Thực hiện trợ cấp hàng tháng, bảo hiểm y tế, mai táng phí cho 100% đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, gồm: người cao tuổi không có người phụng dưỡng, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhằm giúp đối tượng có điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo bền vững.

Tiếp nhận 100% đối tượng thanh niên xung phong, người hưởng tuất bảo hiểm xã hội là người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có điều kiện sống ở cộng đồng; con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng không còn người chăm sóc tại cộng đồng hoặc còn nhưng không có khả năng chăm sóc, có nguyện vọng vào cơ sở trợ giúp xã hội và được hưởng các chính sách như các đối tượng được nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.

Hỗ trợ thêm một số khoản chi phí có phát sinh thực tế trong quá trình quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại cơ sở trợ giúp xã hội nhưng chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1**: quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập

1.1. Xác định vấn đề

Đối với các đối tượng đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, các đơn vị đã thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của nhà nước. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện phát sinh nhiều chi phí không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, đã được quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND, cần được quy định lại cho phù hợp với tình hình giá cả thị trường.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập làm cơ sở pháp lý để cơ sở thực hiện việc quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội; giúp cho đối tượng bảo trợ xã hội tăng cường các khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, có điều kiện lao động phục hồi, phát triển thể chất, sớm hoà nhập với cộng đồng.

**2. Chính sách 2**: quy địnhđối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn

2.1. Xác định vấn đề

Hiện nay các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình thực hiện chính sách trợ giúp xã hội nhận thấy có một số nhóm đối tượng có hoàn cảnh rất khó khăn, không có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản. Qua rà soát có khoảng:

- 300 người là người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng là anh/chị/em ruột hoặc cháu ruột nhưng người này không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng hoặc không có điều kiện phụng dưỡng;

- 60 trẻ em dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo, mồ côi bố hoặc mẹ, người còn lại là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng trẻ; trẻ em dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo, có cả bố và mẹ là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, không có khả năng nuôi dưỡng trẻ;

- 100 trẻ em dưới 3 tuổi thuộc hộ nghèo;

- 15 đối tượng thanh niên xung phong, người hưởng tuất bảo hiểm xã hội là người cao tuổi thuộc diện hộ nghèo, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; không thực hiện nghĩa vụ phụng dưỡng hoặc không có điều kiện phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng; có nguyện vọng, được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội;

- 10 người là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng không còn người chăm sóc tại cộng đồng hoặc còn nhưng không có khả năng để chăm sóc, có nguyện vọng, được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội.

Do mức độ bao phủ chính sách trợ giúp xã hội còn thấp, nên các đối tượng trên chưa tiếp cận được các chính sách hỗ trợ, nhất là về trợ cấp hàng tháng, dẫn đến cuộc sống của họ gặp rất nhiều khó khăn, kéo theo ốm đau, bệnh tật, dẫn đến tình trạng “nghèo bền vững”; một số đối tượng khó khăn có nguyện vọng được vào cơ sở trợ giúp xã hội nhưng không thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP. Trên cơ sở thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP quy định: “3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: ...b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội”, nhằm thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đảm bảo “không để ai bị bỏ lại phía sau”; căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh, việc quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là phù hợp và cần thiết.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc quy định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là tạo khung pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện chế độ chính sách, đảm bảo các chế độ chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, công bằng, công khai, minh bạch và đúng quy định, góp phần trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội đảm bảo được cuộc sống, nhằm thể hiện sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với những người yếu thế sớm có cuộc sống ổn định, tiếp cận được các dịch vụ xã hội, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

**3. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

3.1. Giải pháp

Tổ chức thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo thực hiện đúng đối tượng, quy trình, thủ tục và hồ sơ theo quy định tạo sự công bằng cho các đối tượng, không để ai bị bỏ lại phía sau. Giúp đối tượng có điều kiện về thu nhập, ổn định sức khỏe, vươn lên trong cuộc sống. Đảm bảo tất cả các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn chưa được hưởng chính sách đều được hưởng chính sách trợ giúp xã hội phù hợp, tạo điều kiện cho người dân, nhất là người cao tuổi có thêm thu nhập, ổn định đời sống hàng ngày; trẻ em được quan tâm, hỗ trợ về đời sống vật chất để yên tâm tới trường, những người cao tuổi, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học không có khả năng, điều kiện sống ở cộng đồng được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, góp phần thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, phát triển đời sống người dân trên địa bàn tỉnh.

Qua khảo sát, lấy ý kiến thăm dò các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách (thân nhân, người trực tiếp dự kiến thụ hưởng chính sách; công chức, viên chức, cán bộ tại các xã, phường, thị trấn). Đa số các ý kiến đều đồng thuận cao về và đề nghị sớm ban hành Nghị quyết; một số ý kiến đề nghị mức hỗ trợ cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội là 520.000 đồng, 550.000 đồng/tháng). Tuy nhiên, do điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên không thể cân đối được nguồn ngân sách hỗ trợ, do đó Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất xây dựng chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam dựa trên cơ sở mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định hiện nay là 500.000 đồng/tháng.

Đối với ý kiến của các cơ sở trợ giúp xã hội, đề xuất được tăng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng và tăng mức hỗ trợ đối với một số nội dung chi cho đối tượng tại cơ sở, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất giữ nguyên mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng theo đúng hệ số quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và đề xuất tăng một số mức hỗ trợ đối với một số nội dung chi.

3.2. Đánh giá tác động

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách: Cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ trợ giúp xã hội cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Tác động tích cực: Giúp cho đối tượng yếu thế có cơ hội tiếp cận được các dịch vụ xã hội như trợ cấp xã hội, mai táng phí... để giúp đối tượng vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống nhằm cụ thể hóa mục tiêu “không để ai bị bỏ lại phía sau”. Giúp cho cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, hỗ trợ các đối tượng yếu thế trên địa bàn, thực hiện giảm hộ nghèo có đối tượng là người không có khả năng thoát nghèo, góp phần nâng cao đời sống người dân, tạo điều kiện tăng thu nhập, ổn định cuộc sống, đạt tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tác động tiêu cực: Không.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

+ Đối với đối tượng thụ hưởng: Tạo điều kiện để nhóm đối tượng yếu thế, cần được hỗ trợ được nhận trợ giúp xã hội, khoản trợ cấp xã hội giúp đối tượng cung cấp nhu yếu phẩm phục vụ đời sống hàng ngày, vượt qua khó khăn vươn lên trong cuộc sống, học tập.

+ Đối với cơ quan quản lý: Các nội dung của chính sách phù hợp với thực tiễn và tình hình kinh tế xã hội của địa phương. Việc ban hành chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở pháp lý được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

- Tác động về kinh tế xã hội: Chính sách được ban hành tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, góp phần phát triển đời sống người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn có thêm thu nhập, nâng cao đời sống, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Tác động về giới: Việc quy định chính này đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không phân biệt đối xử về giới và không có tác động về giới.

- Tác động của thủ tục hành chính: Nhóm đối tượng quy định mở rộng tại cộng đồng được thực hiện theo đúng quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị thực hiện chính sách tại Điều 7, Điều 8 và Điều 11 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội được thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (không phát sinh thủ tục hành chính).

**4. Lựa chọn giải pháp**

Để giải quyết những vấn đề hiện nay, trên cơ sở phân tích, đánh giá các tác động nêu trên, cơ quan soạn thảo nhận thấy giải pháp thực hiện chính sách hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là phù hợp với tình hình kinh tế xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau. Việc xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết và thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo hồ sơ dự thảo Nghị quyết tiến hành thu thập số liệu, căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Nam, tổng hợp đánh giá, tham khảo thực tiễn của các địa phương khác trên toàn quốc đã ban hành Nghị quyết và kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động, tiếp thu ý kiến các Sở, Ngành, địa phương; đăng tải toàn văn dự thảo Báo cáo đánh giá tác động và hồ sơ xây dựng nghị quyết thông qua Cổng thông tin điện tử tỉnh.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**V. Kinh phí thực hiện chính sách**

1. Dự kiến kinh phí 01 năm thực hiện chính sách mức hỗ trợ đối với đối tượng bảo trợ xã hội nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh khoảng 5.874.550.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ tám trăm bảy mươi tư triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

*(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)*

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn ngân sách tỉnh.

Trên là báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận****:*  - TT Tỉnh uỷ;  - TT HĐND tỉnh; để b/c  - UBND tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Giám đốc, các PGĐ sở;  - Lưu: VT, BT&PCTNXH. | **KT.GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Lê Thị Thu Hằng** |

1. - Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đóng BHYT giai đoạn 2017-2020;

   - Nghị quyết số 35/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND;

   - Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về hỗ trợ mức kinh phí đóng BHYT giai đoạn 2022-2025

   - Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2022 quy định mức hỗ trợ đối với thành viên trong hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hằng tháng trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

   - Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2021 quy định mức trợ cấp, mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với đối tượng nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, Trung tâm điều trị nghiện ma tuý và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam. [↑](#footnote-ref-1)